



# CHƯƠNG 2

## KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN TRONG NHTM

2.1. Một số vấn đề cơ bản về nghiệp vụ huy động vốn

2.2. Kế toán huy động vốn qua hoạt động tiền gửi

2.3. Kế toán huy động vốn qua phát hành giấy tờ có giá

2.4. Kế toán huy động vốn đi vay của NHNN và các TCTD khác



## 2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN

2.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc huy động vốn

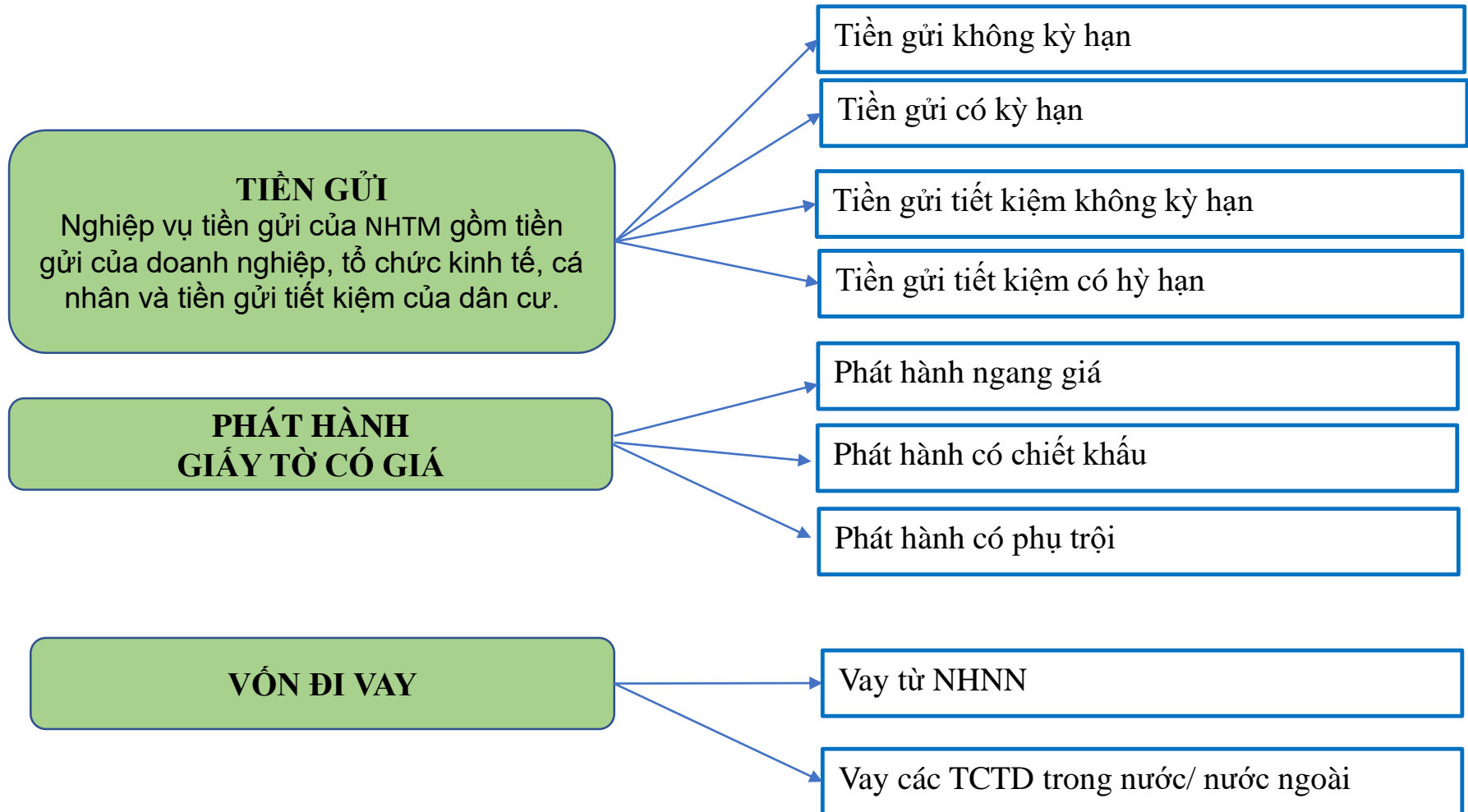
2.1.2. Các hình thức huy động vốn



## 2.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc huy động vốn

- **Vốn huy động** của NHTM là giá trị tiền tệ mà các NHTM huy động được trên thị trường thông qua nghiệp vụ tiền gửi, tiền vay và một số nguồn vốn khác.
- **Huy động vốn** là việc các NHTM nhận vốn từ những người gửi tiền, các chủ thể cho vay để thực hiện nhu cầu kinh doanh của mình.

## 2.1.2. CÁC HÌNH THỨC HUY ĐỘNG VỐN



- ❖ Mục đích:
- ❖ Đối tượng:
- ❖ Phương pháp tính lãi:





# HUY ĐỘNG VỐN QUA PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

PHÁT HÀNH  
NGANG GIÁ

**Giá phát hành = Mệnh giá**

PHÁT HÀNH  
CÓ CHIẾT  
KHẤU

**Giá phát hành = Mệnh giá – Giá trị chiết khấu**

PHÁT HÀNH  
CÓ PHỤ TRỢ

**Giá phát hành = Mệnh giá + Giá trị phụ trợ**

**PHƯƠNG THỨC TRẢ LÃI**

- ❖ TRẢ LÃI TRƯỚC
- ❖ TRẢ LÃI ĐỊNH KỲ
- ❖ TRẢ LÃI SAU



## 2.2. KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN QUA HOẠT ĐỘNG TIỀN GỬI

### 2.2.1. Nguyên tắc kế toán

### 2.2.2. Phương pháp kế toán

- ❖ Chứng từ sử dụng
- ❖ Tài khoản sử dụng
- ❖ Kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu



# NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN QUA HOẠT ĐỘNG TIỀN GỬI

- ❖ Chi phí lãi tiền gửi: Chi trả theo thực tế phát sinh;
- ❖ Tuân thủ nguyên tắc cơ sở dồn tích;
- ❖ Phù hợp và tuân thủ VAS 16 “Chi phí đi vay”.



# PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN QUA HOẠT ĐỘNG TIỀN GỬI

## ❖ Chứng từ kế toán

- Chứng từ gốc:
- Chứng từ ghi sổ:

## ❖ Tài khoản sử dụng

TK 42; TK49; TK 388; TK80;  
TK1011/1031 ...





# Tài khoản sử dụng

## TK 42

	<u>Số tiền KH đang gửi tại NH, TCTD đầu kỳ</u>
KH rút tiền	KH gửi tiền
	<u>Số tiền KH đang gửi tại NH, TCTD đến CK</u>

## TK 49

<u>Số tiền lãi phải trả dồn tích chưa thanh toán ĐK</u>	Số tiền lãi <b>phải trả</b> dồn tích ( <i>Định kỳ</i> )
Số tiền lãi <b>thanh toán</b> cho KH ( <i>Đáo hạn</i> )	
<u>Số tiền lãi phải trả dồn tích chưa thanh toán CK</u>	

# Tài khoản sử dụng

## TK388

<u>Chi phí trả trước chờ phân bổ ĐK</u>	Chi phí trả trước được phân bổ trong kỳ( định kỳ)
Chi phí trả trước phát sinh trong kỳ	
<u>Chi phí trả trước chờ phân bổ CK</u>	

## TK 80

Chi phí trả lãi phát sinh trong kỳ	Chi phí trả lãi được thoái chi trong kỳ
	Kết chuyển số dư Nợ cuối năm vào TK Lợi nhuận năm nay khi quyết toán
	